

Số: /BC-CTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
Tháng 11 và 11 tháng năm 2023

Kinh tế thế giới tiếp tục trải qua thời kỳ khó khăn, bất định khi chiến sự Israel – Hamas xảy ra có nguy cơ lan rộng, khủng hoảng Nga - Ukraine leo thang sang giai đoạn mới; kinh tế Châu Âu tiếp tục âm ỉ, kinh tế Trung Quốc giảm mạnh hơn so với dự kiến; Ngân hàng Trung ương các nước rơi vào thế khó khi vừa phải không chế lạm phát, vừa phải đảm bảo tăng trưởng kinh tế và ổn định hệ thống tài chính.

Bên cạnh các chính sách kích cầu tiêu dùng đang thực hiện, Thành phố đẩy nhanh việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các điểm nghẽn về pháp lý, vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm với tinh thần không đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm.

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố tháng 11 và 11 tháng năm 2023 như sau:

1. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1.1. Nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đến ngày 15/11/2023 đạt 33.394,5 ha, giảm 3,3% so với cùng kỳ, trong đó:

Vụ lúa Hè Thu: Diện tích lúa đã gieo cấy 5.746,5 ha, giảm 2,7% so với cùng kỳ; ước tính năng suất đạt 54,2 tạ/ha, tăng 4,2%.

Vụ lúa Mùa: Diện tích lúa gieo cấy đạt 5.469,9 ha, giảm 4,3% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng ngô đạt 363,1 ha, tăng 25,3% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng sắn đạt 284,2 ha, tăng 6,0% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng rau các loại đạt 6.013,7 ha, giảm 10,2%; sản lượng đạt 221.130,7 tấn, giảm 9,5% so với cùng kỳ.

Tình hình sinh vật gây hại:

Trong tháng, diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 752,7 ha, giảm 16,8% so với cùng kỳ và diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 355,2 ha, tăng 2,0%.

Các sinh vật gây hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, vàng lá và ốc bươu vàng.

1.1.2. Chăn nuôi

Tổng đàn chăn nuôi của Thành phố có xu hướng giảm nhưng sản lượng chăn nuôi duy trì ổn định do tình hình kiểm soát dịch bệnh tốt và đảm bảo sản lượng thịt, trứng cung cấp cho thị trường. Ước tính tổng đàn chăn nuôi tháng 11 như sau:

Đàn trâu có 2.830 con, giảm 4,3% so với cùng kỳ.

Đàn bò có 95.640 con, giảm 1,5%, trong đó đàn bò sữa có 66.820 con, giảm 1,3%.

Đàn lợn thịt có 139.995 con, giảm 0,1%.

Đàn gia cầm có 353,0 nghìn con, tăng 1,1%, trong đó đàn gà có 325,5 nghìn con, tăng 1,1%.

1.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng và cây lâm nghiệp trồng phân tán hiện có khoảng 36.822 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâm nghiệp phân tán đạt 17,6%, tương đương so với cùng kỳ.

Sản lượng lâm sản khai thác tính đến nay ước đạt 2.680 m³ gỗ ở Công ty cây trồng Thành phố và 2.250 ster củi tận thu từ rừng phòng hộ của các hộ dân huyện Cần Giờ.

Trong tháng, không xảy ra vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp về bảo vệ động vật rừng.

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 11 năm 2023 ước đạt 5.528,8 tấn, tăng 0,1% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 1.290,8 tấn, giảm 12,2%; sản lượng tôm ước đạt 1.486,0 tấn, tăng 10,6%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.752,0 tấn, tăng 1,6%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản,

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 11 năm 2023 ước thực hiện 1.045,0 tấn, giảm 18,5% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 652,0 tấn, giảm 18,9%; sản lượng tôm ước đạt 141,0 tấn, tăng 17,6%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 252,0 tấn, giảm 18,1%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 11 năm 2023 ước đạt 4.483,8 tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 638,8 tấn, giảm 4,2% so với cùng kỳ; sản lượng tôm ước đạt 1.345,0 tấn, tăng 14,7%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.500,0 tấn, tăng 4,2%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 10/11/2023),

Tôm sú: Có tổng số 296 lượt hộ thả nuôi với 158,2 triệu con giống trên diện tích 3.288,9 ha. Diện tích thả nuôi tăng 1,3% so với cùng kỳ; số lượng con giống tăng 16,1%.

Tôm thẻ chân trắng: Có tổng số 1.700 lượt hộ thả nuôi với 605,4 triệu con giống trên diện tích 1.377,2 ha. Diện tích thả nuôi giảm 4,5% so với cùng kỳ, số lượng con giống giảm 11,0%.

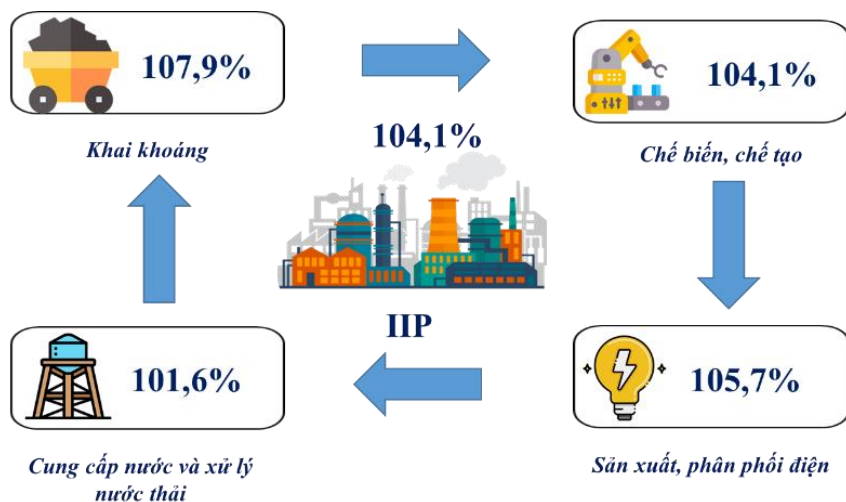
Trong tháng, không phát sinh diện tích tôm bị bệnh. Tính từ đầu năm đến nay, có 19 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 9,2 ha, số lượng con giống thiệt hại là 3,8 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 2.746 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

2. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 11 năm 2023 ước tính tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 9,8% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp khai khoáng tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 44,6% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 9,9% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện giảm 1,8% so với tháng trước và tăng 4,6% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 2,2% so với tháng trước và giảm 1,2% so với cùng kỳ.

Tính chung 11 tháng năm 2023, chỉ số IIP trên địa bàn Thành phố tăng 4,1% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành khai khoáng tăng 7,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,1%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,7%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 1,6%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 20/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2023 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 30,7%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 19,0%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 15,2%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 14,3%. Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất kim loại giảm 17,5% và sản xuất sản

phẩm từ khoáng kim loại khác đều có mức giảm 15,1%; sản xuất đồ uống giảm 12,1%; sản xuất trang phục giảm 10,5%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 11 tháng so với cùng kỳ giai đoạn 2020-2023 (%)

	2020	2021	2022	2023
Tổng số	95,2	84,9	115,1	104,1
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	299,8	76,1	142,9	107,9
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	94,4	84,5	114,0	104,1
3. Sản xuất và phân phối điện	98,6	94,7	167,0	105,7
4. Cung cấp nước và xử lý chất thải	99,7	96,2	111,6	101,6
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	101,9	92,9	113,3	97,7
2. Sản xuất đồ uống	93,0	70,0	136,6	87,9
3. Sản xuất trang phục	78,7	72,0	125,0	89,5
4. Sản xuất da và sản phẩm liên quan	81,5	79,8	111,7	91,8
5. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	118,6	95,6	106,8	109,7
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	92,2	93,5	163,3	130,7
7. Sản phẩm từ khoáng kim loại	97,1	88,0	109,8	84,9
8. Sản xuất Sản phẩm điện tử	118,6	81,9	101,0	106,0
9. Sản xuất thiết bị điện	100,6	94,6	105,8	110,8
10. Sản xuất xe có động cơ	83,8	100,1	134,3	95,2

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 11 tháng năm 2023 tăng 6,3% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành hóa được tăng 19,1%; ngành cơ khí tăng 7,4%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 6,0%; ngành lương thực thực phẩm và đồ uống giảm 5,9%.

Đối với ngành công nghiệp truyền thống, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 11 tháng năm 2023 giảm 7,5% so với cùng kỳ, trong đó ngành dệt tăng 3,5%; sản xuất trang phục giảm 10,5%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 8,2%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 11 tháng năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 37,0%; phân khoáng hoặc phân hóa học tăng 26,8%; đá xây dựng các loại tăng 10,6%; sữa/kem đặc có/không có đường tăng 9,9%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Xi măng giảm 22,4%; bia chai, lon giảm 21,6%; sắt thép các loại giảm 20,0%; quần áo các loại trừ quần áo thể thao giảm 11,3% .

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 11 năm 2023 ước tính tăng 3,1% so với tháng trước và tăng 21,5% so với cùng kỳ cho thấy tín hiệu tích cực về sự phục hồi của ngành công nghiệp Thành phố. Tính chung 11 tháng năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp tăng 3,4% so

với cùng kỳ. Trong đó, có 11/23 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng; một số ngành tăng cao như: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 81,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 80,9%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 32,0%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 19,0%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 18,2%; 12 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm và giảm mạnh nhất là ngành sản xuất kim loại với tỷ lệ là 51,5%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 11 năm 2023 ước tính tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 18,0% so với cùng kỳ. Trong đó, 16/23 ngành công nghiệp cấp II có chỉ số tồn kho tăng. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao như: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 74,6%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 46,2%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 45,2%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 37,4%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 31,8%. Có 7/23 ngành có chỉ số tồn kho giảm. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất kim loại giảm 53,3%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 48,3%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 36,4%; sản xuất thiết bị điện giảm 30,0%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 11 năm 2023 tăng 0,4% so với tháng trước và giảm 4,1% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2023, chỉ số lao động giảm 2,8% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 32,7%; sản xuất xe có động cơ tăng 26,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 23,4%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 17,8%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại khác giảm 12,1%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 9,4%.

3. ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

3.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/11/2023, Thành phố đã cấp phép 47.624 doanh nghiệp, tăng 16,6% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 431.419 tỷ đồng, giảm 0,4%. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 35.485 doanh nghiệp thành lập, tăng 18,6% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 301.970 tỷ đồng, giảm 7,7%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp,

Công ty TNHH có 43.105 đơn vị, tăng 20,4% so với cùng kỳ và tổng vốn đăng ký đạt 328.588 tỷ đồng, tăng 35,4%; Công ty cổ phần có 3.951 đơn vị, giảm 14,3% và vốn đăng ký 102.488 tỷ đồng, giảm 46,2%; Doanh nghiệp tư nhân có 563 đơn vị, tăng 39,7% và vốn đăng ký 293 tỷ đồng, tăng 25,3%.

Phân theo loại hình kinh tế,

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 157 đơn vị, giảm 0,6% và vốn đăng ký đạt 2.270 tỷ đồng, giảm 11,2% so với cùng kỳ.

Khu vực công nghiệp, xây dựng: Cấp phép 8.829 doanh nghiệp, tăng 12,1% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 112.605 tỷ đồng, tăng 12,1%. Trong đó, nhóm ngành công nghiệp có 4.765 đơn vị, tăng 7,3% và vốn đăng ký 32.616 tỷ đồng, giảm 37,7%; ngành xây dựng có 4.064 doanh nghiệp, tăng 18,1% và vốn đăng ký 79.989 tỷ đồng, tăng 103,6%.

Khu vực thương mại, dịch vụ: Cấp phép 38.638 doanh nghiệp, tăng 17,8% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 316.544 tỷ đồng, giảm 6,7%. Trong đó, thương nghiệp có 20.705 đơn vị, tăng 31,5% và vốn đăng ký đạt 156.938 tỷ đồng, tăng 32,6%; vận tải kho bãi có 2.450 đơn vị, tăng 25,7% và vốn đăng ký đạt 17.996 tỷ đồng, tăng 41,1%; dịch vụ lưu trú ăn uống có 2.160 đơn vị, tăng 11,2% và vốn đăng ký đạt 9.916 tỷ đồng, giảm 10,5%; kinh doanh bất động sản có 1.397 đơn vị, giảm 40,7% và vốn đăng ký đạt 56.280 tỷ đồng, giảm 51,4%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 4.561 đơn vị, tăng 13,2% và vốn đăng ký 31.042 tỷ đồng, tăng 30,8%.

3.2. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/11/2023, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố đạt 3.084,2 triệu USD, giảm 12,9% so với cùng kỳ, trong đó:

- **Cấp mới** có 1.090 dự án cấp phép mới, tăng 35,1% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 573,5 triệu USD tăng 20,1%. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 462 dự án, vốn đăng ký là 218,9 triệu USD, chiếm 38,2% vốn đăng ký cấp mới; kế đến hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 269 dự án, vốn đăng ký 134,5 triệu USD, chiếm 23,5%; hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo có 17 dự án, vốn đăng ký là 67,2 triệu USD, chiếm 11,7%; hoạt động xây dựng với 08 dự án, vốn đăng ký là 54,5 triệu USD, chiếm 9,5%. Singapore là quốc gia dẫn đầu về dự án cấp phép mới với 184 dự án, vốn đăng ký đạt 170,1 triệu USD, chiếm 29,7% vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản với 95 dự án, vốn đăng ký 81,2 triệu USD, chiếm 14,2%; Ấn Độ với 40 dự án, vốn đăng ký đạt 62,2 triệu USD, chiếm 10,8%.

- **Điều chỉnh vốn đăng ký** có 281 dự án điều chỉnh vốn đăng ký, tăng 71,3% so với cùng kỳ và vốn điều chỉnh đạt 601,7 triệu USD, giảm 61,3%. Trong đó, hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ có 62 dự án, vốn đăng ký tăng 198,9 triệu USD chiếm 33,1% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động thông tin và truyền thông có 49 dự án, vốn đăng ký 150,7 triệu USD, chiếm 25,1%; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy có 96 dự án, vốn đăng ký

tăng 104,5 triệu USD, chiếm 17,4%. Hoa Kỳ là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất trong 11 tháng năm 2023 đạt 217,9 triệu USD, chiếm 36,2% vốn đăng ký điều chỉnh.

- **Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp** có 2.099 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với góp vốn là 1.909 triệu USD, tăng 26,7% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt kinh doanh bất động sản có số vốn góp đạt 917,0 triệu USD, chiếm 48,0%; hoạt động bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với vốn góp là 363,3 triệu USD, chiếm 19,0% tổng vốn góp; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ đạt 330,1 triệu USD, chiếm 17,3%. Singapore, Malaysia là hai quốc gia có tỷ trọng vốn góp cao nhất lần lượt chiếm 43,4% và 21,2%.

Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố

(từ ngày 01/01/2023 đến 20/11/2023)

	Năm 2023		% so với cùng kỳ năm 2022	
	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
Tổng vốn đầu tư		3.084,2		87,1
- Dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư	1.090	573,5	135,1	120,1
- Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	281	601,7	171,3	68,7
- Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	2.099	1.909,0	94,6	126,7

Lũy kế từ ngày 01/01/1988 đến ngày 20/11/2023, trên địa bàn Thành phố có 12.300 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đạt 57,25 tỷ USD (Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với cả nước); 26.389 trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước với vốn góp đăng ký tương đương 25,70 tỷ USD. Tính chung giá trị vốn đầu tư nước ngoài cấp mới, vốn đầu tư tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp vào Thành phố đạt hơn 82,95 tỷ USD.

4. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

4.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 11 năm 2023 đạt 6.478,3 tỷ đồng, tăng 16,5% so với tháng trước và tăng 91,2% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023 ước thực hiện 42.590,9 tỷ đồng, tăng 60,6% so với cùng kỳ (11

tháng năm 2022 thực hiện 26.520,6 tỷ đồng). Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 42.195,8 tỷ đồng, tăng 61,0% so với cùng kỳ, đạt 59,8% vốn Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; vốn ngân sách cấp huyện ước thực hiện 395,1 tỷ đồng, tăng 24,1%, đạt 59,0% vốn Kế hoạch.

Tình hình thực hiện Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách 11 tháng năm 2023

	Kế hoạch năm 2023 (tỷ đồng)	Ước tính 11 tháng năm 2023 (tỷ đồng)	11 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)	11 tháng năm 2023 so với Kế hoạch (%)
TỔNG SỐ	71.188,2	42.590,9	160,6	59,8
Vốn ngân sách cấp Thành phố	70.518,1	42.195,8	161,0	59,8
Vốn cân đối ngân sách Thành phố	65.107,1	38.774,3	171,3	59,6
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>12.844,7</i>	<i>10.777,3</i>	<i>140,2</i>	<i>83,9</i>
Vốn nước ngoài (ODA)	1.412,6	1.156,3	233,1	81,9
Xổ số kiến thiết	3.998,4	2.265,3	73,8	56,7
Vốn ngân sách cấp huyện	670,1	395,1	124,1	59,0

Tính đến hết ngày 23 tháng 11 năm 2023, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã giải ngân là 26.900 tỷ đồng, đạt 39,2% so với Kế hoạch vốn năm 2023 UBND Thành phố giao, đạt **38,1%** so với Kế hoạch vốn Thủ Tướng Chính phủ giao. Ước tính đến hết 11 tháng năm 2023, giải ngân đạt 30.807,8 tỷ đồng, đạt 44,9% so với Kế hoạch vốn UBND Thành phố giao và đạt 43,7% so với Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

4.2. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên),

Dự án Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên) đã hoàn thành trên 95% tổng khối lượng, trong đó có những gói thầu đạt trên 98% và dự án lên kế hoạch đưa vào khai thác thương mại vào tháng 7/2024. Ban Quản lý Đường sắt đô thị Thành phố đang đẩy nhanh tiến độ toàn dự án, tập trung ở các công tác chạy thử nghiệm tàu Metro, thi công cầu bộ hành, hoàn thiện các nhà ga,...

Dự án mở rộng Quốc lộ 50 tại huyện Bình Chánh,

Tiến độ đoạn đường song hành Quốc lộ 50 đạt trên 35% khối lượng thi công và đoạn mở rộng Quốc lộ 50 hiện hữu dài hơn 2,5 km đang được tổ chức mời thầu. Các nhà thầu nỗ lực đẩy nhanh tiến độ nhưng do vướng mặt bằng và di dời công trình hạ tầng kỹ thuật nên dự án đang chậm tiến độ, các nhà thầu đang thi công theo hình thức có mặt bằng đến đâu thi công đến đó. Hai khu vực

chưa giải tỏa mặt bằng làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ toàn bộ dự án: 200 m điểm đầu dự án nơi giao tiếp giữa đường song hành Quốc lộ 50 và đường Nguyễn Văn Linh; khoảng 50 m tại điểm giao nhau giữa đoạn đường song hành với Quốc lộ 50 hiện hữu. Dự kiến dự án mở rộng Quốc lộ 50 sẽ hoàn thành vào ngày 31/12/2024.

Dự án Thành phần 2 đường Vành đai 3 Thành phố,

Dự án Thành phần 2 đang được đẩy nhanh tiến độ bồi thường, mặt bằng bàn giao đạt tỉ lệ hơn 94%; tiến độ giải phóng mặt bằng tại huyện Hóc Môn đã hoàn thành, huyện Củ Chi đạt 98%, huyện Bình Chánh đạt 96%, thành phố Thủ Đức đạt 90%. Vương mắc bồi thường chủ yếu tại khu vực thành phố Thủ Đức, đã chi trả 412/587 trường hợp, trong đó 286/412 hộ đã bàn giao mặt bằng. Dự kiến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án sẽ hoàn thành trước ngày 30/12/2023 để bàn giao cho chủ đầu tư.

Dự án Thành phần 1 đường Vành đai 3 Thành phố,

Dự án Thành phần 1 đường Vành đai 3 qua Thành phố được chia làm 14 gói thầu xây lắp, trong đó có 10 gói thầu xây lắp chính và 4 gói thầu phụ trợ, phục vụ khai thác vận hành; dự kiến sẽ khởi công toàn bộ các gói thầu xây lắp chính trong năm 2023. Tính đến thời điểm hiện tại, Thành phố đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu cho 05/14 gói thầu. Các gói thầu đang tăng tốc thi công, tuyến đường Vành đai 3 Thành phố đi qua huyện Hóc Môn đang dần hình thành. Hạng mục cầu Nhơn Trạch đạt hơn 38%, vượt tiến độ 5% so với Kế hoạch đề ra. Tại đầu cầu Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn giao hết mặt bằng nên việc thi công thuận lợi, dự kiến hạng mục sẽ hoàn thành sớm hơn 4 tháng so với Hợp đồng. Dự án Thành phần 1 đường Vành đai 3 qua Thành phố đang gặp vấn đề khó khăn về nguồn cung cấp đất, cát đắp; đây cũng là khó khăn chung của các dự án cao tốc đang thi công ở vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Dự án nút giao thông An Phú,

Tất cả các hạng mục của Dự án nút giao thông An Phú được các đơn vị liên quan tập trung thi công cao độ nhằm đảm bảo tiến độ dự án. Khu vực hầm chui trên đường Mai Chí Thọ đã thi công nhịp thứ 5 và đổ bê tông nền hầm; điểm cuối hầm phía hướng về hầm vượt sông Sài Gòn đang chuẩn bị mặt bằng cho công tác tiếp theo. Hạng mục thi công cầu Bà Dạt (phía đầu hầm chui) dự kiến hết tháng 11 sẽ hoàn thiện tháo lắp dầm để thực hiện các công việc phía trên cầu, hết tháng 12 sẽ hoàn thành phần cơ bản của tất cả các hạng mục; thông xe kỹ thuật vào đầu năm 2024; vượt tiến độ trước 2 tháng so với tiến độ chung của toàn bộ dự án. Hạng mục thi công cầu Giồng Ông Tố, khu vực đường Đồng Văn Cống các trụ cầu cũng được hoàn thiện, chuẩn bị được lắp đặt dầm cầu giữa 02

cầu Giồng Ông Tố hiện hữu. Công trình dự kiến thông xe kỹ thuật vào tháng 10 năm 2024.

4.3. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, toàn Thành phố đã cấp 19.426 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà cấp 3, cấp 4 cho hộ dân cư, giảm 29,0% (-7.943 giấy phép) so với cùng kỳ và diện tích sàn đạt 3.635,6 nghìn m², giảm 29,6% (-1.528,6 nghìn m²). Trong đó, cấp xây dựng mới 17.574 giấy phép với diện tích 3.391,2 nghìn m² và 1.852 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 244,4 nghìn m².

5. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ CHỨNG KHOÁN

5.1. Thu, chi ngân sách

Ước tính tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố 11 tháng năm 2023 giảm 8,5% so với cùng kỳ, trong đó 3 thành phần trong tổng thu ngân sách đều giảm so với cùng kỳ: Thu nội địa giảm 4,7%, thu từ dầu thô giảm 15,8%, thu từ xuất nhập khẩu giảm 15,3%. Ngược lại, ước tính chi ngân sách địa phương tăng 41,7% so với cùng kỳ, trong đó chi đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương tăng 45,3% và chi thường xuyên tăng 11,3%.

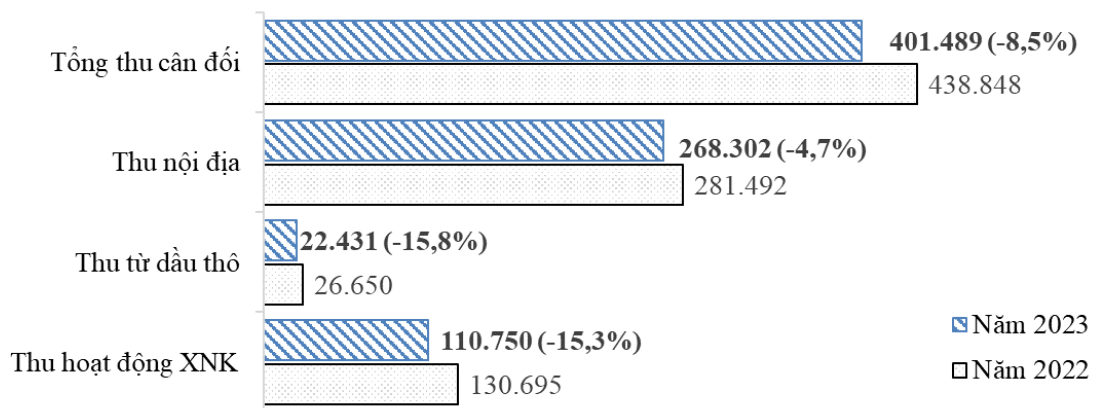
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2023 ước thực hiện 401.489 tỷ đồng, đạt 85,5% dự toán và giảm 8,5% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Thu nội địa ước thực hiện 268.302 tỷ đồng, đạt 87,2% dự toán, chiếm 66,8% tổng thu cân đối và giảm 4,7% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 26.885 tỷ đồng, đạt 86,4% dự toán, chiếm 6,7% tổng thu và giảm 8,0%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 78.626 tỷ đồng, đạt 90,3% dự toán, chiếm 19,6% tổng thu và tăng 3,7%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 67.271 tỷ đồng, đạt 90,3% dự toán, chiếm 16,8% tổng thu và giảm 4,8%.

Thu dầu thô ước thực hiện 22.431 tỷ đồng, vượt 40,2% dự toán, chiếm 5,6% tổng thu cân đối và giảm 15,8%.

Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 110.750 tỷ đồng, đạt 76,0% dự toán, chiếm 27,6% tổng thu cân đối và giảm 15,3%.

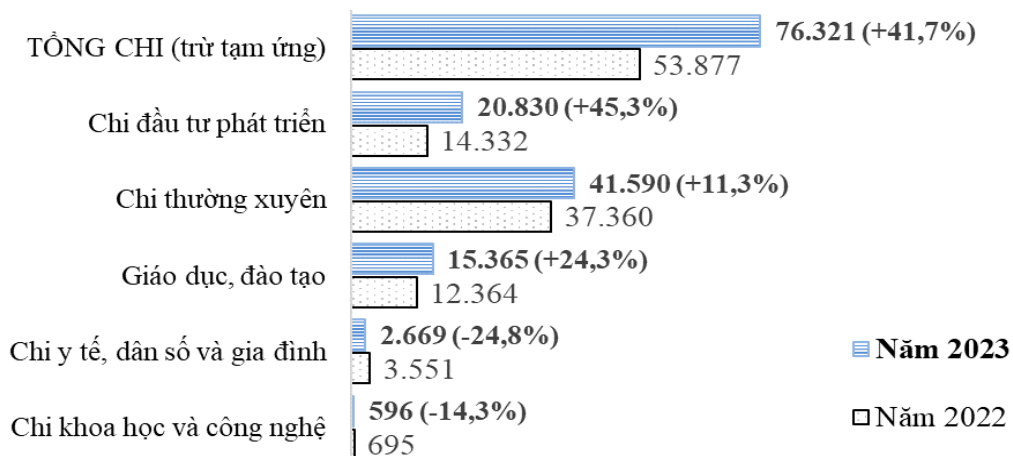
Thu cân đối ngân sách địa phương 11 tháng năm 2023, ước thực hiện 121.808 tỷ đồng, vượt 4,1% dự toán, chiếm 30,3% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và tăng 0,6% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2022, 2023 (tỷ đồng)

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 11 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 76.321 tỷ đồng, đạt 60,4% dự toán và tăng 41,7% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 63.087 tỷ đồng, đạt 57,0% dự toán và tăng 20,7% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách địa phương ước thực hiện 20.830 tỷ đồng, đạt 45,2% dự toán và tăng 45,3% so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên ước thực hiện 41.590 tỷ đồng, đạt 69,2% dự toán và tăng 11,3%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 15.365 tỷ đồng, đạt 73,1% dự toán và tăng 24,3%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 2.669 tỷ đồng, đạt 42,4% dự toán và giảm 24,8%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 596 tỷ đồng, đạt 62,0% dự toán và giảm 14,3%.

Chi ngân sách địa phương 11 tháng năm 2022, 2023 (tỷ đồng)

5.2. Thị trường chứng khoán

Trong tháng 10/2023, khối lượng giao dịch trên sàn Hose đã giảm 23,8% về khối lượng và giảm 29,0% về giá trị so với tháng trước. Chỉ số VN-Index trong tháng 10 có xu hướng giảm và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index đạt 1.028,19 điểm, giảm 11% so với phiên đầu tháng.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/10/2023, đã có 566 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 330 mã cổ phiếu, 14 mã chứng chỉ quỹ, 221 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã tăng 05 mã cổ phiếu, 02 chứng chỉ quỹ và 09 mã chứng quyền so với tháng trước. Trong tháng 10/2023, có 19 mã chứng quyền và 02 mã cổ phiếu hủy niêm yết trên sàn Hose.

Trong tháng 10 năm 2023 có 22 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng 14.911,0 triệu chứng khoán và giá trị là 317.199,7 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã giảm 23,8% về khối lượng và giảm 29% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 92,4% về khối lượng và chiếm 91,3% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 677,8 triệu chứng khoán với 14.418,2 tỷ đồng được giao dịch, giảm 34,2% về khối lượng và giảm 38,6% về giá trị so với tháng trước.

Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, tổng khối lượng giao dịch đạt 159.122,1 triệu chứng khoán với 3.092.545,1 tỷ đồng, tăng 15,9% về khối lượng, nhưng giảm 20,4% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 91,1% về khối lượng và chiếm 89,3% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 780,0 triệu chứng khoán với 15.159,5 tỷ đồng được giao dịch, tăng 16,5% về khối lượng, nhưng giảm 20,0% về giá trị so với cùng kỳ.

Kết quả giao dịch chứng khoán tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2023 như sau:

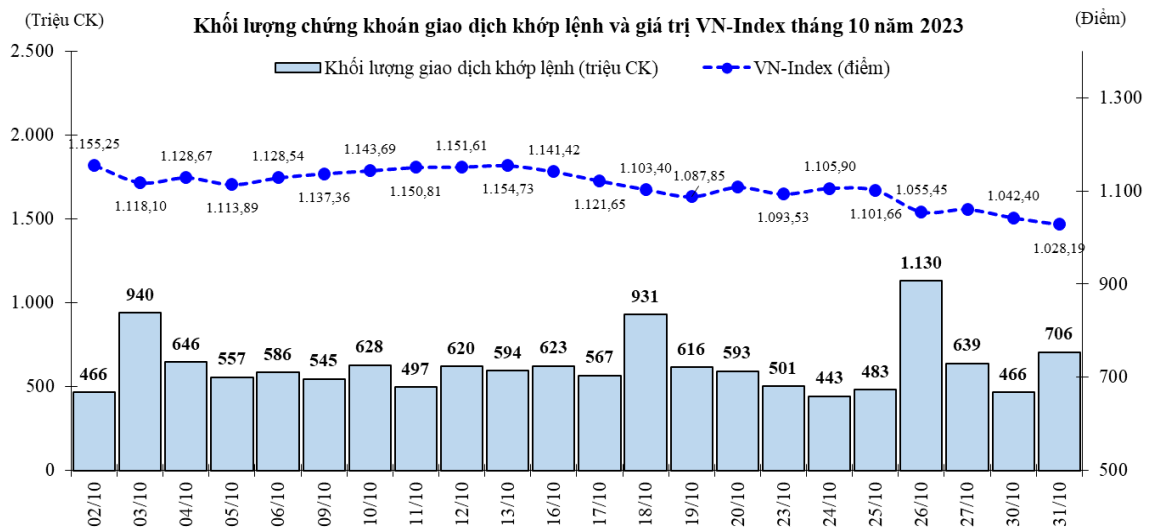
Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 10/2023	Lũy kế 10 tháng 2023	Tháng 10/2023 so với tháng 9/2023	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	14.911,0	159.122,1	76,2	115,9
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	10.959,9	125.729,9	73,4	112,1
- Trái phiếu	5,5	46,2	137,5	69,6
- Chứng chỉ quỹ & ETF	110,7	1.149,5	91,0	86,6
- Chứng quyền	3.834,9	32.196,5	85,3	135,5
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	13.772,5	144.990,0	76,1	114,2
- Giao dịch thỏa thuận	1.138,5	14.132,1	77,7	137,2
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	317.199,7	3.092.545,1	71,0	79,6
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	242.327,7	2.407.183,3	71,5	75,7

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 10/2023	Lũy kế 10 tháng 2023	Tháng 10/2023 so với tháng 9/2023	So với cùng kỳ
- Trái phiếu	26,1	211,7	144,2	31,8
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.341,1	22.476,1	89,0	72,5
- Chứng quyền	72.504,8	662.674,0	69,0	98,5
2. Chia theo hình thức giao dịch:				
- Giao dịch khớp lệnh	289.534,4	2.761.780,3	71,1	82,0
- Giao dịch thỏa thuận	27.665,3	330.764,8	70,2	63,7

Chỉ số VN-Index trong tháng 10 năm 2023, với 22 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 11 phiên tăng điểm và 11 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 10 năm 2023, VN-Index đạt 1.155,25 điểm, tăng 0,1% (tương ứng tăng 1,10 điểm) so với phiên giao dịch cuối tháng trước và tăng 14,7% (tương ứng tăng 148,16 điểm) so với 30/12/2022. VN-Index trong tháng có xu hướng giảm và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng khi VN-Index đạt 1.028,19 điểm, giảm 11,0% (tương ứng giảm 127,06 điểm) so với phiên giao dịch đầu tháng; tăng 2,1% (tương ứng tăng 21,10 điểm) so với 30/12/2022; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.140.828 tỷ đồng, gấp 2,5 lần quy mô ước tính GRDP của Thành phố năm 2023.



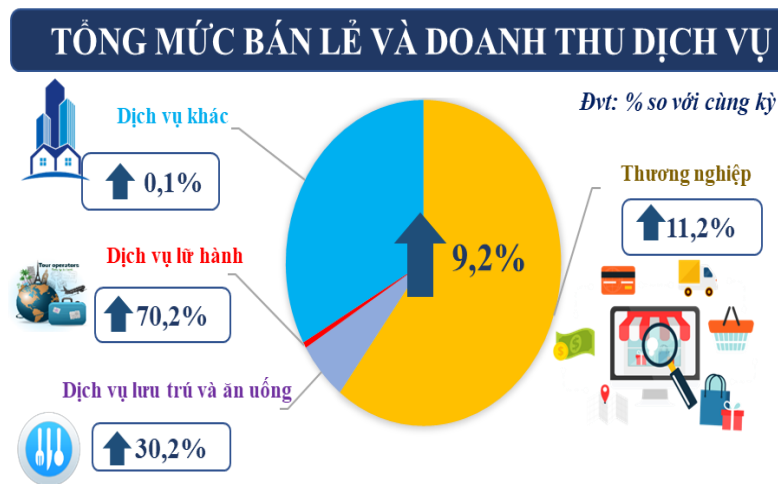
Cập nhật phiên giao dịch ngày 21/11/2023 có 598 mã chứng khoán giao dịch theo hình thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn Hose gồm: 331 mã cổ phiếu, 14 mã chứng chỉ, 252 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.110,46 điểm, tăng 10,3% (tương ứng tăng 103,37 điểm) so với 30/12/2022 và vốn hóa thị trường đạt 4.471.847 tỷ đồng.

6. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI

6.1. Thương mại, dịch vụ

Sức mua nội địa tiếp tục được duy trì, trong thời gian qua Thành phố đã xây dựng nhiều chương trình khuyến mại kích cầu tiêu dùng; đặc biệt với nhóm hàng lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, phương tiện vận tải.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 năm 2023 ước đạt 108.022,6 tỷ đồng, giảm 0,8% so với tháng trước, tăng 14,6% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.081.301,5 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ. Trong đó:



Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 11 năm 2023 ước đạt 62.328,3 tỷ đồng, chiếm 57,7% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, giảm 2,6% so với tháng trước và tăng 17,9% so với cùng kỳ. Trong đó, một số nhóm hàng có mức tăng cao trên 10% so với cùng kỳ như: Lương thực, thực phẩm tăng 18,0%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 34,9%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 25,7%; xăng, dầu tăng 43,3%; đá quý, kim loại tăng 61,9%; sửa chữa xe có động cơ tăng 62,9%. Lũy kế 11 tháng năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 634.636,6 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 11 năm 2023 ước đạt 10.123,9 tỷ đồng, chiếm 9,4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 29,3% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu hoạt động lưu trú giảm 1,2% so với tháng trước và tăng 121,7% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động ăn uống tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 22,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023, doanh thu lưu trú và ăn uống ước đạt 99.352,6 tỷ đồng, tăng 30,2% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu lưu trú tăng 55,2%, doanh thu ăn uống tăng 27,7%. Hoạt động lưu trú và ăn uống có mức tăng cao do Thành phố tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá kết hợp với các sản phẩm du lịch đặc trưng ở từng quận, huyện để thu hút du khách.

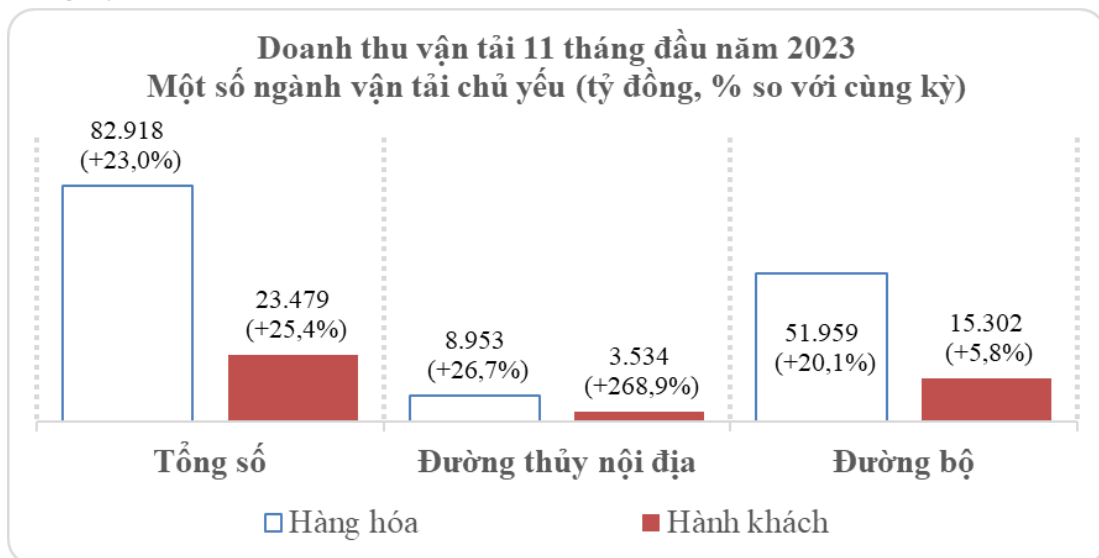
Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 11 năm 2023 ước đạt 973,8 tỷ đồng, giảm 11,0% so với tháng trước và tăng 58,4% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023, doanh thu lữ hành ước đạt 10.075,7 tỷ đồng, tăng 70,2% so với cùng kỳ. Do ảnh hưởng thời tiết và đã qua mùa du lịch cao điểm nên du khách nội địa giảm mạnh, đồng thời lượng khách quốc tế tăng không đáng kể.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 11 năm 2023 ước đạt 34.596,6 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 5,2% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 337.236,6 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu kinh doanh bất động sản chiếm 61,7% trong nhóm doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác, có mức giảm 3,4% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ hành chính chiếm 14,9%, tăng 3,2%.

6.2. Vận tải hàng hóa và hành khách

6.2.1. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 11 ước đạt 31.724 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 56,3% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023 ước đạt 291.682 tỷ đồng, tăng 21,2% so với cùng kỳ.



Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 11 ước đạt 8.241 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 58,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023 ước đạt 82.918 tỷ đồng, tăng 23,0% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 62,7%, tăng 20,1%; vận tải đường thủy nội địa chiếm 10,8%, tăng 26,7%; vận tải đường biển chiếm 26,1%, tăng 29,7% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 11 ước đạt 2.306 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 11,1% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023 ước đạt 23.479 tỷ đồng, tăng 25,4% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 65,2%, tăng 5,8% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 4,3%, tăng 20,3%;

đường thủy nội địa chiếm 15,1%, tăng 268,9%; đường hàng không chiếm 14,6%, tăng 39,6%.

Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát: Doanh thu tháng 11 ước đạt 21.177 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 62,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023 ước đạt 185.285 tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ. Trong đó: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 177.646 tỷ đồng, tăng 19,1%; Bưu chính và chuyển phát đạt 7.639 tỷ đồng, tăng 43,8%.

6.2.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển tháng 11 ước đạt 21.905 nghìn tấn, giảm 3,7% so với tháng trước và tăng 31,1% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023 ước đạt 229.705 nghìn tấn, tăng 4,9% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 60,1%, giảm 4,7%; vận tải đường thủy nội địa chiếm 24,7%, tăng 28,8%; vận tải đường biển chiếm 15,0%, tăng 16,9% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 11 ước đạt 60.529 nghìn lượt, tăng 2,7% so với tháng trước và giảm 0,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 11 tháng năm 2023 ước đạt 706.005 nghìn lượt, tăng 16,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 93,6%, tăng 14,8% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 5,6%, tăng 42,3% và vận tải hàng không chiếm 0,4%, tăng 30,3% so với cùng kỳ.

7. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 tăng **0,13%**, trong đó có 2/11 nhóm hàng hóa giảm là thiết bị và đồ dùng gia đình (-0,46%) và bưu chính viễn thông (-0,32%); 9/11 các nhóm còn lại tăng so với tháng trước, tăng cao nhất là nhóm giao thông (+0,49%).

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành hàng tháng 11 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Tăng 0,06%, trong đó nhóm lương thực tăng 1,44%, chủ yếu do giá gạo tăng 2,05%; nhóm thực phẩm giảm 0,14%, trong đó, thịt heo giảm 0,41%, thịt bò giảm 0,65%, rau tươi, khô và chế biến tăng 0,46% do thời tiết không thuận lợi; dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,10%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Tăng 0,27%, trong đó rượu các loại tăng 0,03%, nước khoáng và nước có ga tăng 0,79%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Tăng 0,02%, do nhu cầu tiêu dùng và giá nhân công tăng. Trong đó, giá vải các loại tăng 0,21%, giá hàng may mặc khác tăng 0,21%, mũ nón tăng 0,23%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng: Tăng 0,35%, chủ yếu do giá gas và các loại chất đốt tăng 1,07%, trong đó giá gas điều chỉnh tăng từ

4.000 đến 5.000 đồng/bình 12 kg, điện sinh hoạt tăng 0,50%, nhà ở thuê tăng 0,42% do nhu cầu phục vụ sinh viên năm học mới vẫn còn.

Nhóm giao thông: Tăng 0,49%, chủ yếu do giá dịch vụ vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng cao khi nhu cầu sử dụng tăng mạnh.

Trong tháng 11/2023 có 3 lần điều chỉnh giá bán xăng, dầu (ngày 01/11/2023, ngày 13/11/2023 và ngày 23/11/2023) làm cho nhóm nhiên liệu giảm 1,16% so với tháng trước, trong đó giá xăng giảm 1,40%, dầu diesel giảm 7,13%. So với cùng kỳ năm 2022, bình quân 11 tháng năm 2023 giá xăng, dầu giảm 12,21%, tác động làm CPI chung giảm 0,42 điểm phần trăm.

Nhóm bưu chính viễn thông: Giảm 0,32%, chủ yếu do các chương trình khuyến mãi, giảm giá bán các mặt hàng điện thoại và phụ kiện.

Nhóm giáo dục: Tăng 0,03% so với tháng trước, do việc điều chỉnh giá học phí của một số trường cho năm học mới.

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: Tăng 0,01%, chủ yếu tập trung ở các mặt hàng: Dịch vụ văn hóa tăng 0,38%, thiết bị, dụng cụ thể thao tăng 0,32%.

Nhóm hàng hóa, dịch vụ khác: Tăng 0,35%, chủ yếu tập trung ở các mặt hàng: Đồ trang sức tăng 1,31%, dịch vụ khác tăng 2,25%.

So với tháng 11 năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,61%, trong đó chỉ có nhóm dịch vụ bưu chính, viễn thông giảm 3,97%; 10 nhóm còn lại đều tăng giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức tăng là 8,11%.

Bình quân 11 tháng năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,36% so với cùng kỳ (bình quân 11 tháng đầu năm 2022 tăng 2,54%), chỉ trừ nhóm giao thông giảm 2,32% và bưu chính viễn thông giảm 1,91%; 9 nhóm còn lại đều tăng, trong đó các nhóm tăng cao gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,63%, văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,74%; đồ uống và thuốc lá tăng 3,79%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,86%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 4,36%, giáo dục tăng 13,94%.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 11 so với cùng kỳ		Chỉ số giá bình quân 11 tháng so với cùng kỳ	
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ số giá tiêu dùng	104,67	102,61	102,54	103,36
<i>Trong đó: - Lương thực</i>	<i>104,25</i>	<i>109,64</i>	<i>104,15</i>	<i>105,59</i>
<i>- Thực phẩm</i>	<i>101,48</i>	<i>100,07</i>	<i>99,73</i>	<i>102,23</i>
2. Chỉ số giá vàng	113,41	104,56	117,60	101,26
3. Chỉ số giá USD	107,55	98,89	100,83	102,53

Chỉ số giá vàng tháng 11 năm 2023 tăng 1,31% so với tháng trước, tăng 4,88% so với tháng 12 năm 2022 và tăng 4,56% so với cùng kỳ; bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 1,26% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 11 năm 2023 tăng 0,05% so với tháng trước, tăng 1,46% so với tháng 12 năm 2022 và giảm 1,11% so với cùng kỳ; bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 2,53% so với cùng kỳ.

8. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

8.1. Hoạt động y tế

Tình hình bệnh Sốt xuất huyết: Trong tháng, số ca mắc là 2.288 ca; 01 ca tử vong.

Tình hình bệnh Tay Chân Miệng: Trong tháng, số ca mắc là 8.417 ca và không có ca tử vong.

Tình hình bệnh Covid-19: Trong tháng, số ca mắc là 16 ca, tính từ đầu năm tới 15/11/2023 là 5.169 ca, giảm 95,6% so với cùng kỳ. Thành phố hiện đã hết vắc xin phòng Covid-19, vì vậy tạm ngưng tiêm cho người dân và sẽ tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị,

Trong tháng, số lượt khám chữa bệnh ngoại trú ước đạt 3.978,9 nghìn lượt, tăng 22,7% so với cùng kỳ; số lượt điều trị nội trú ước đạt 207,1 nghìn lượt, tăng 1,5%.

Thành phố tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho người bệnh đặc biệt là bệnh nhi đang khám và điều trị tại các cơ sở khám chữa bệnh, rà soát lại quy trình xuất viện tại khoa Sản, khoa Nhi; nhân viên y tế phải tuân thủ nghiêm các quy định về đồng phục, băng tên, ... thực hiện khám chữa bệnh và các thủ thuật trên trẻ đều phải đảm bảo sự giám sát của người nhà bệnh nhi.

8.2. Hoạt động giáo dục

Trong tháng 11, Thành phố tổ chức các hoạt động “Tháng nhớ ơn Thầy Cô” chào mừng kỷ niệm 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2023) chủ đề: “Nét đẹp Người Thầy”; “Tiếng hát Người Thầy” và hội thi thời trang học đường “Trường học hạnh phúc”; hội thi “Đua thuyền rồng”; tiếp tục triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

8.3. Hoạt động văn hoá, thể thao

Về văn hóa, nghệ thuật,

Hoạt động lễ hội và sự kiện có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân, thể hiện những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, qua đó góp phần phát triển du lịch.

Trong tháng 11 năm 2023, Thành phố tổ chức các chương trình văn hóa, lễ hội đặc sắc như: Liên hoan Áo thuật toàn quốc Lần thứ IV năm 2023; lễ hội

“Rạng danh văn hóa ẩm thực Việt”; chương trình nghệ thuật múa đương đại quốc tế mang tên "X POSITION ‘O’ 2023" sự kiện kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Singapore; ngày hội văn hóa hữu nghị Việt – Hàn 2023; liên hoan phim ngắn năm 2023; triển lãm quốc tế Vietbuild lần thứ 4 năm 2023 với chủ đề “Nhà ở - kiến trúc và trang trí nội ngoại thất”; triển lãm nghệ thuật - Nội thất và chuỗi Word Shop mới của Elle; "Ngày hội Koro Art - Nước và nghệ thuật 2023.

Về hoạt động thể thao,

Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia "Nghệ thuật trình diễn dân gian, Tri thức dân gian Vovinam - Việt Võ Đạo Thành phố Hồ Chí Minh" chính thức được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Một số hoạt động thể thao diễn ra tại Thành phố: Giải Futsal HDBank Cúp Quốc gia 2023; giải vô địch Cử tạ các câu lạc bộ quốc gia 2023; giải Vô địch Quốc gia môn Thể dục Aerobic năm 2023; tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn Huấn luyện viên Aerobic Fitness năm 2023.

8.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ 16/10/2023 đến 16/11/2023)

Tình hình trật tự an toàn giao thông,

Trong tháng, xảy ra 203 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 8,6% so với cùng kỳ; làm chết 69 người, giảm 4,5%; bị thương 138 người, tăng 5,3%. Không xảy ra tai nạn giao thông đường thủy, đường sắt.

Về tình hình cháy nổ,

Trong tháng, xảy ra 19 vụ cháy, không có người chết; 01 người bị thương, về tài sản thiệt hại ước tính khoảng 61 triệu đồng (còn 03 vụ chưa thống kê thiệt hại). Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vì phạm kinh tế,

Trong tháng, đã phát hiện và xử lý 154 vụ vi phạm kinh tế, tham nhũng và buôn lậu; khởi tố 05 vụ, 05 bị can liên quan về tham nhũng, chức vụ 265 vụ, 52 bị can tội phạm kinh tế, công nghệ cao. Xử phạt vi phạm hành chính 164 vụ, tổng số tiền phạt trên 5,1 tỷ đồng.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy,

Trong tháng, đã phát hiện, xử lý 202 vụ, 465 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 165 vụ, 293 bị can, xử lý hành chính 32 vụ, 164 đối tượng; thu giữ 3,313 kg Heroin; 0,503 kg Cần sa; 59,089 kg ma túy tổng hợp; hơn 152 kg nghi ma túy các loại.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội,

Trong tháng, ghi nhận 855 vụ, tăng 45,2% so với cùng kỳ; làm chết 05 người, bị thương 81 người, tài sản thiệt hại khoảng 253 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 547/855 vụ (đạt 64,0%) và bắt 725 đối tượng.

8.5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 23.924 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm trong 11 tháng là 291.985/300.000 lượt người, đạt 97,3% kế hoạch năm.

Trong tháng có 12.491 chỗ việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới 11 tháng là 131.865/140.000, đạt 94,2% kế hoạch năm.

Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài trong tháng là 173 người. Lũy kế từ đầu năm đến nay là 1.596 người, chủ yếu ở Hàn Quốc, Nhật Bản, tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

8.6. Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Trong tháng, đã tiếp nhận 14.227 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 14.938 người lao động. Lũy kế từ đầu năm đến nay, Thành phố đã tiếp nhận 142.704 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 140.645 người lao động đủ điều kiện.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh tháng 11 và 11 tháng năm 2023.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp;
- Vụ Hệ thống TKQG;
- Thành uỷ, HĐND, UBND TP;
- Lãnh đạo Cục TK;
- Đơn vị thuộc Cục TK;
- Cục TK một số tỉnh, TP;
- Một số Sở, ngành TP;
- Lưu: TH, TCHC.

Trần Phước Tường